

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HỒI
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/KDTM-ST

Ngày 12/3/2018

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI, TỈNH KON TUM**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Khen.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông : Trần Trọng Thư.
2. Bà: Trần Thị Trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Điệp là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2017/TLST-KDTM ngày 25 tháng 8 năm 2017, về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2017/QĐXX-ST, ngày 24 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần N (tên viết tắt V)– Chi nhánh K; Người đại diện hợp pháp ông Lê Tấn L - Chức vụ: Giám đốc chi nhánh K; Người đại diện theo ủy quyền ông Cao Quốc Vt - Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch huyện N; địa chỉ: 957 H, thị trấn P, huyện N, tỉnh K (văn bản ủy quyền số 04/08/NHNTKT.UQ ngày 04/8/2017). Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T (viết tắt là Công ty T) ; địa chỉ:thôn C, xã Đ, huyện N, tỉnh K.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức H - Chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty. Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;

3.1. Ông: Trần Mạnh H - Nguyên Chủ tịch kiêm giám đốc Công ty Trách

nhiệm hữu hạn một thành viên T; Địa chỉ: T, xã Đ, huyện N, tỉnh K. Có mặt.

3.2. Ông Hoàng Ngọc H, bà Nguyễn Thị H; Cùng địa chỉ: 11 H, phường D, thành phố K, tỉnh K. Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Ngọc Q; Địa chỉ: Tổ 3, phường J, thành phố P, tỉnh G, văn bản ủy quyền ngày 30/8/2017. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/8/2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng V – Chi nhánh K trình bày: Ngày 19/5/2016, Ngân hàng V - Chi nhánh K và Công ty T ký kết hợp đồng tín dụng số 446/16/NHNT.NH với nội dung:

- Trị giá hợp đồng: 2.300.000.000 (Hai tỷ ba trăm triệu) đồng.
- Thời hạn cho vay: 06 tháng kể từ ngày rút vốn.
- Mục đích vay vốn: Chi phí kinh doanh xăng dầu các sản phẩm liên quan, kinh doanh vật liệu xây dựng...

Và phụ lục Hợp đồng số 01/446/16/NHNT.NH ngày 30/12/2016 với nội dung:

- Trị giá hợp đồng: 1.100.000.000 (Một tỷ một trăm triệu đồng).
- Thời hạn cho vay: 06 tháng kể từ ngày rút vốn.
- Mục đích vay vốn: Chi phí kinh doanh xăng dầu các sản phẩm liên quan, kinh doanh vật liệu xây dựng...

Ngày 30/12/2016, Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay 1.100.000.000 (Một tỷ một trăm triệu đồng), lãi suất vay: 9,35 %/năm, lãi suất quá hạn: 12,87%/năm. Ngày đến hạn: 30/6/2017.

Để đảm bảo khoản vay trên, Công ty T thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất số BD 938073 cấp ngày 30/11/2010, thửa đất số 8B2.2, tờ bản đồ số 00, diện tích 90 m², địa chỉ: Lô 8B2.2, khu dân cư số 2 Nguyễn T, phường H, quận H, thành phố Đ, theo hợp đồng thế chấp tài sản số 22/04/NHNT ngày 25/04/2014, định giá tài sản bảo đảm số 01/2016/NHNT.NH ngày 30/12/2016, ký kết giữa ông Hoàng Ngọc H và bà Nguyễn Thị H với Ngân hàng V.

Ngân hàng V - Chi nhánh K yêu cầu Công ty T trả số tiền nợ tính đến ngày 12/3/2018 là 1.247.075.500đ (Một tỷ, hai trăm bốn mươi bảy triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn, năm trăm đồng); Trong đó: Nợ gốc là 1.100.000.000đ (Một tỷ một trăm triệu đồng); Nợ lãi là 125.134.167đ (Một trăm hai mươi lăm triệu một trăm ba mươi tư nghìn, một trăm sáu mươi bảy đồng); Lãi phạt là 21.941.333đ (Hai mươi một triệu chín trăm bốn mươi một nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) và lãi phát sinh sau ngày 12/3/2018 đến khi trả xong nợ.

Trường hợp Công ty T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng V yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số BD 938073 cấp ngày 30/11/2010

của ông Hoàng Ngọc H, bà Nguyễn Thị H, thửa đất số 8B2.2, tờ bản đồ số 00, địa chỉ: Lô 8B2.2, khu dân cư số 2 Nguyễn T, phường H, quận H, thành phố Đ để thu hồi nợ.

Tại lời khai ngày 05/9/2017; Biên bản hòa giải ngày 25/10/2017 và ngày 07/11/2017, bị đơn Công ty T trình bày: Ông thừa nhận về mặt pháp lý, Công ty T có nợ Ngân hàng V - Chi nhánh K số tiền như nguyên đơn đã trình bày, tuy nhiên số tiền nợ vay này phát sinh tại thời điểm ông Trần Mạnh H còn là người đại diện theo pháp luật của Công ty, ký nhận toàn bộ hồ sơ vay vốn với Ngân hàng và Ngân hàng cũng chuyển trực tiếp toàn bộ số tiền này vào tài khoản của đối tác cung cấp vật liệu xây dựng, không chuyển số tiền vay vào tài khoản của Công ty T, đến thời điểm chuyển đổi chủ sở hữu công ty, ông Trần Mạnh H cũng như người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Ngọc H, bà Nguyễn Thị H không bàn giao số tiền vay cũng như hàng hóa đảm bảo số vốn vay của Ngân hàng cho Công ty T. Do vậy, số tiền vay theo hợp đồng như nguyên đơn trình bày Công ty T không biết. Theo tôi được biết, bản chất số tiền nợ vay trên cũng như toàn bộ vật tư hàng hóa là do ông Trần Mạnh H và ông Hoàng Ngọc H, bà Nguyễn Thị H làm ăn với nhau để kinh doanh vật liệu xây dựng. Do đó, toàn bộ số tiền nợ vay này ông Trần Mạnh H và ông Hoàng Ngọc H, bà Nguyễn Thị H chịu trách nhiệm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Ngọc H, bà Nguyễn Thị Hg; Người đại diện theo ủy quyền ông Phạm Ngọc Q trình bày: Tôi đề nghị Công ty T nhận nợ với Ngân hàng V – Chi nhánh K, nợ gốc là 1.100.000.000đ (Một tỷ một trăm triệu đồng), và lãi phát sinh như hợp đồng đã ký kết và trả toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng để Ngân hàng trả lại tài sản đã thế chấp cho ông Hoàng Ngọc H, bà Nguyễn Thị H.

Tại bản tự khai ngày 05/10/2017, ông Trần Mạnh H trình bày: Năm 2016 tôi là Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty T đứng tên Công ty T vay số tiền 1.100.000.000đ (Một tỷ một trăm triệu đồng) của Ngân hàng V – Chi nhánh K để cùng làm ăn với ông Hoàng Ngọc H và bà Nguyễn Thị H nên ông H bà H đã đồng ý thế chấp tài sản là thửa đất số 8B2.2, tờ bản đồ số 00; diện tích 90m², địa chỉ: Lô 8B2.2, khu dân cư Nguyễn T, phường H, quận H, thành phố Đ để đảm bảo vay số tiền trên. Việc ông H, bà H đồng ý tài sản thế chấp này là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi vay, chúng tôi đồng ý chuyển toàn bộ số tiền vay này để mua vật liệu phục vụ cho khai thác khoáng sản, khi làm ăn thuận lợi hai bên tính toán công bằng, khi thua lỗ ông H, bà H bỏ mặc mình tôi là người chịu trách nhiệm tiền lãi cho Ngân hàng. Sau khi bàn giao chủ doanh nghiệp cho ông Nguyễn Đức H, tôi không bàn giao số tiền vay trên, vì số tiền đã vay của Ngân hàng không liên quan gì đến kinh doanh xăng dầu của Công ty T. Do đó, tôi sẽ thỏa thuận với ông Hoàng Ngọc H và bà Nguyễn Thị H cùng trả toàn bộ số tiền nợ vay, bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Đề

ngợi hội đồng xét xử buộc Công ty T trả cho Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh K tiền nợ 1.247.075.500đ (Một tỷ, hai trăm bốn mươi bảy triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn, năm trăm đồng) theo thỏa thuận đã ký kết trong hợp đồng. Nếu Công ty T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng được xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số BD 938073 cấp ngày 30/11/2010 của Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Đ cấp cho ông Hoàng Ngọc H, bà Nguyễn Thị H để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, lời khai của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Vụ việc Tranh chấp giữa hai tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận, vì vậy quan hệ pháp luật có tranh chấp được xác định theo quy định tại Điều 30 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc áp dụng pháp luật của Bộ luật dân sự: Điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: Giao dịch dân sự được thực hiện xong trước ngày Bộ luật này có hiệu lực mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết.

Trong vụ án này thì giao dịch dân sự giữa Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh K và Công ty TNHH MTV T được xác lập ngày 30/12/2016 (trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật), nên được áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết.

[3] Về nội dung tranh chấp:

- Xét hợp đồng tín dụng (hợp đồng chính) giữa Công ty T và Ngân hàng V – Chi nhánh K. Công ty T và Ngân hàng V – Chi nhánh K đều thừa nhận: Ngày 19/5/2016 Công ty T có ký kết hợp đồng tín dụng số 446/16/NHNT.NH và phụ lục Hợp đồng số 01/446/16/NHNT.NH ngày 30/12/2016 và nhận nợ với Ngân hàng V – Chi nhánh K với số tiền vay là 1.100.000.000đ (Một tỷ một trăm triệu đồng), lãi suất vay: 9,35 %/năm, lãi suất quá hạn: 12,87%/năm, thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày rút vốn 30/12/2016, ngày đến hạn trả nợ 30/6/2017. Hai bên đều hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức của hợp đồng nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng tín dụng được lập giữa Công ty T và Ngân hàng V – Chi nhánh K là có thật và hợp pháp.

- Xét hợp đồng thế chấp tài sản (hợp đồng phụ): Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số BD938073 ngày 30/11/2010 do Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Đ cấp cho ông Hoàng Ngọc H, bà Nguyễn Thị H, thửa đất số 8B2.2, tờ bản đồ số 00,

địa chỉ: Lô 8B2.2, khu dân cư số 2, Nguyễn T, phường H, quận H, thành phố Đ, để đảm bảo khoản vay 1,1 tỷ đồng cho Công ty T với Ngân hàng V ông H, bà H đã đồng ý thế chấp thửa đất nói trên theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 22/04/NHNT ngày 25/04/2014, định giá tài sản bảo đảm số 01/2016/NHNT.NH ngày 30/12/2016, ký kết giữa ông Hoàng Ngọc H và bà Nguyễn Thị Hg với Ngân hàng V và được công chứng đúng quy định.

Hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất giữa ông Hoàng Ngọc H, bà Nguyễn Thị H và Ngân hàng V – Chi nhánh Kon Tum được ký kết là hoàn toàn tự nguyện được các đồng sở hữu tài sản ông H, bà H đồng ý thế chấp, đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và được công chứng đúng quy định, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức hợp đồng thế chấp tài sản, căn cứ Điều 715; 717; 720; 721 của Bộ luật dân sự năm 2005, công nhận hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất nói trên giữa ông Hoàng Ngọc H, bà Nguyễn Thị H và Ngân hàng V – Chi nhánh K là hợp pháp.

Về số tiền vay: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 446/16/NHNT.NH, ngày 19/5/2016 và phụ lục Hợp đồng số 01/446/16/NHNT.NH, ngày 30/12/2016 thì ngày 30/12/2016, Công ty T vay Ngân hàng V – Chi nhánh K số tiền 1.100.000.000 (Một tỷ một trăm triệu đồng), lãi suất vay: 9,35 %/năm, lãi suất quá hạn: 12,87%/năm. Tính đến ngày 12/3/2018, số dư nợ còn lại quá hạn của hợp đồng là 1.247.075.500đ (Một tỷ, hai trăm bốn mươi bảy triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn, năm trăm đồng); Trong đó: Nợ gốc là 1.100.000.000đ (Một tỷ một trăm triệu đồng); Nợ lãi là 125.134.167đ (Một trăm hai mươi lăm triệu một trăm ba mươi tư nghìn, một trăm sáu mươi bảy đồng); Lãi phạt là 21.941.333đ (Hai mươi một triệu chín trăm bốn mươi một nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) và lãi phát sinh sau ngày 12/3/2018 đến khi trả xong nợ.

Số tiền vay nói trên được bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khai nhận: Tại thời điểm vay, ông Trần Mạnh H, nguyên Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty T ký đại diện cho Công ty vay Ngân hàng với mục đích chi phí kinh doanh xăng dầu các sản phẩm liên quan, kinh doanh vật liệu xây dựng.. nhưng lại sử dụng khoản tiền vay này cho mục đích cá nhân của ông Trần Mạnh H, không nhập quỹ, không bàn giao số tiền nợ khi thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty, không phục vụ cho việc kinh doanh xăng dầu của Công ty nên Công ty T không chịu trách nhiệm với số tiền vay nói trên.

Tuy nhiên, Hợp đồng tín dụng được giao kết giữa Ngân hàng V – Chi nhánh K với Công ty T, đại diện là ông Trần Mạnh H khi đó là Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty, mục đích sử dụng tiền vay là chi phí kinh doanh xăng dầu các sản phẩm liên quan, kinh doanh vật liệu xây dựng.. Hợp đồng tín dụng này tuân thủ đúng quy định tại khoản 2 Điều 401; 408; 471; 474 Bộ luật dân sự năm 2005 nên có hiệu lực pháp luật. Việc Công ty T không nhập quỹ số tiền vay, không bàn giao số nợ trên khi thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty; không phục vụ cho việc kinh doanh của Công ty không ảnh hưởng đến hiệu lực của hợp đồng và phụ lục hợp đồng. Đây

là vấn đề nội bộ của Công ty T với cá nhân ông Trần Mạnh H. Công ty T có quyền khởi kiện đối với ông Trần Mạnh H để giải quyết số tiền nợ nói trên. Còn về nghĩa vụ theo hợp đồng thì Công ty T phải trả cho Ngân hàng V – Chi nhánh K số tiền nợ tính đến ngày 12/3/2018 là 1.247.075.500đ (Một tỷ, hai trăm bốn mươi bảy triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn, năm trăm đồng); Trong đó: Nợ gốc là 1.100.000.000đ (Một tỷ một trăm triệu đồng); Nợ lãi là 125.134.167đ (Một trăm hai mươi lăm triệu một trăm ba mươi tư nghìn, một trăm sáu mươi bảy đồng); Lãi phạt là 21.941.333đ (Hai mươi một triệu chín trăm bốn mươi một nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) và lãi phát sinh sau ngày 12/3/2018 đến khi trả xong nợ.

Về tài sản thế chấp: Ông Hoàng Ngọc H, bà Nguyễn Thị H đã đồng ý cho Công ty T thế chấp thửa đất số 8B2.2, tờ bản đồ số 00, tại địa chỉ: Lô 8B2.2, khu dân cư số 2 Nguyễn T, phường H, quận H, thành phố Đ, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD938073 ngày 30/11/2010 của Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Đ cấp cho ông Hoàng Ngọc H, bà Nguyễn Thị H, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 22/04/NHNT ngày 25/04/2014, định giá tài sản bảo đảm số 01/2016/NHNT.NH ngày 30/12/2016 ký kết giữa ông Hoàng Ngọc H và bà Nguyễn Thị H với Ngân hàng V – Chi nhánh K. Hợp đồng thế chấp tài sản đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật. Do đó, nếu Công ty T không trả được nợ thì Ngân hàng V – Chi nhánh K xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất nói trên để thu hồi nợ theo quy định tại Điều 715; 717; 720; 721 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng V – Chi nhánh K đề ngày 04/8/2017 và yêu cầu bổ sung ngày 12/3/2018 về việc đòi bị đơn Công ty TNHH MTV T trả tổng số tiền nợ tính đến ngày 12/3/2018 là 1.247.075.500đ (Một tỷ, hai trăm bốn mươi bảy triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn, năm trăm đồng); Trong đó: Nợ gốc là 1.100.000.000đ (Một tỷ một trăm triệu đồng); Nợ lãi là 125.134.167đ (Một trăm hai mươi lăm triệu một trăm ba mươi tư nghìn, một trăm sáu mươi bảy đồng); Lãi phạt là 21.941.333đ (Hai mươi một triệu chín trăm bốn mươi một nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) và lãi phát sinh sau ngày 12/3/2018 đến khi trả xong nợ là có cơ sở, theo quy định tại Điều 30, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH MTV T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 30, 35, 144; 147; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 401; 408; 471; 474; 715; 717; 720; 721 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP N– Chi nhánh K đề ngày 04/8/2017 và yêu cầu bổ sung ngày 12/3/2018 và Xử như sau:

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần N – Chi nhánh K tổng số tiền tính đến ngày 12/3/2018 là 1.247.075.500đ (Một tỷ, hai trăm bốn mươi bảy triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn, năm trăm đồng); Trong đó: Nợ gốc là 1.100.000.000đ (Một tỷ một trăm triệu đồng); Nợ lãi là 125.134.167đ (Một trăm hai mươi lăm triệu một trăm ba mươi tư nghìn, một trăm sáu mươi bảy đồng); Lãi phạt là 21.941.333đ (Hai mươi một triệu chín trăm bốn mươi một nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) và lãi phát sinh sau ngày 12/3/2018 đến khi trả xong nợ, theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng là 12,87%/năm.

Trường hợp, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP N– Chi nhánh K xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 8B2.2, tờ bản đồ số 00, tại địa chỉ: Lô 8B2.2, khu dân cư số 2, Nguyễn T, phường H, quận H, thành phố Đ, diện tích 90 m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 938073 ngày 30/11/2010 của Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Đ cấp cho ông Hoàng Ngọc H, bà Nguyễn Thị H để thu hồi nợ.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 49.412.265đ (Bốn mươi chín triệu bốn trăm mười hai nghìn hai trăm sáu mươi lăm đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh K, số tiền tạm ứng án phí là 23.474.900đ (Hai mươi ba triệu bốn trăm bảy mươi tư nghìn chín trăm đồng) theo biên lai số 0001807 ngày 24/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

Nguyên đơn, Bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 12/3/2018.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Ngọc Hồi;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hồi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

(đã ký)

Nguyễn Bá Khen